

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM THÔNG QUA BẢNG CÂN ĐỐI LIÊN NGÀNH

Nguyễn Thị Hương

Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản - Tổng cục Thống kê

Email: huongquynhmai69@gmail.com

Ngày nhận: 15/9/2016

Ngày nhận bản sửa: 8/10/2016

Ngày duyệt đăng: 18/10/2016

Tóm tắt:

Trên thế giới, du lịch được coi là ngành công nghiệp không khói vì đã có đóng góp không nhỏ đối với tăng trưởng kinh tế của nhiều quốc gia. Nghiên cứu này nhằm phân tích và đo lường tác động tổng hợp của du lịch quốc tế và du lịch nội địa đến tăng trưởng kinh tế thông qua bảng cân đối liên ngành (bảng I-O). Nghiên cứu thử nghiệm tính toán tác động của du lịch đến tổng sản phẩm trong nước (GDP) đối với trường hợp của Việt Nam năm 2013 thông qua sử dụng bảng I-O năm 2012 và một số số liệu năm 2013 do Tổng cục Thống kê công bố. Kết quả cho thấy, tác động tổng hợp của hoạt động du lịch chiếm 6,69% GDP Việt Nam năm 2013, trong đó tác động tổng hợp của du lịch quốc tế chiếm 4,00% và du lịch nội địa là 2,69%.

Từ khóa: Tài khoản vệ tinh du lịch; tài khoản quốc gia, giá trị tăng thêm của du lịch, tác động của du lịch.

Assessment of the tourism's economic impact on economic growth in Vietnam through the Input-Output table

Abstract:

Tourism is considered the smokeless industry for its impact and significant contribution to the economic growth of many countries in the region and the world. This study aimed at analyzing the total impact of international and domestic tourism activities on the economic growth basing on the Input - Output table (IO table). The paper presented a pilot measurement of the total impacts of tourism on Gross Domestic Product (GDP) in Vietnam in 2013 by using the country's 2012 IO table combining with 2013 data published by the General Statistics Office. The result showed that the total impact of tourism accounts for 6.69% GDP of Vietnam in 2013, with 4% and 2.69% belongs to the international and domestic tourism respectively.

Keywords: Tourism satellite accounts; national account; tourism value added; impact of tourism activity.

1. Giới thiệu

Trên thế giới và trong nước, đã có nhiều tổ chức, cá nhân nghiên cứu về đo lường và đánh giá tác động của hoạt động du lịch đến tăng trưởng kinh tế trong phạm vi một vùng, một quốc gia. Tài khoản vệ tinh du lịch (TSA) do Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) và Tổ chức Hợp tác Phát triển Kinh tế (OECD) biên soạn trong khuôn khổ của Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) đã được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới được giới thiệu

phiên bản mới nhất trong United Nations (2008) và United Nations (2009). Một số nghiên cứu, trao đổi về kinh nghiệm lập TSA của các nước Đức, Úc, Hà Lan như giới thiệu về phương pháp chuẩn bị lập TSA của Đức, kết quả thực nghiệm và bình luận ban đầu của Ahlert (2007); chia sẻ kinh nghiệm lập TSA của Úc theo Fleetwood (2004); TSA của Hà Lan, phương pháp tiếp cận và kết quả của Heerschap & cộng sự (2005),... Các bài viết tập trung thảo luận về việc thống nhất các khái niệm có liên quan; quy

trình lập TSA trong khuôn khổ thống nhất với SNA; chuẩn bị thông tin để biên soạn và trình bày kết quả lập TSA trong đó có đề cập đến tác động tổng hợp của du lịch đến nền kinh tế và các khuyến nghị. Một số nghiên cứu khác đã giới thiệu về đo lường hoạt động du lịch theo TSA trong mối liên hệ với bảng I-O (được coi là trung tâm của SNA) để đánh giá tác động trực tiếp, gián tiếp và tác động tổng hợp do ảnh hưởng lan tỏa của du lịch đến các ngành kinh tế. University of Vermont (1999) nghiên cứu về tác động của du lịch với kinh tế Vermont thông qua bảng I-O. Tadayuki Hara (2008) giới thiệu sử dụng bảng I-O liên kết với TSA để đánh giá hoạt động du lịch.

Ở trong nước, một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến việc phản ánh và đo lường kết quả hoạt động du lịch với phạm vi và mức độ khác nhau. Trong khuôn khổ đề án “Triển khai áp dụng tài khoản vệ tinh du lịch tại Việt Nam”, Tổng cục Du lịch (2011) đã giới thiệu và hướng dẫn lập TSA cho Việt Nam. Luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Tuyết Nhung (2010) về nghiên cứu thống kê Tài khoản vệ tinh du lịch ở Việt Nam với đề xuất thực hiện và thử nghiệm tính toán một số bảng trong TSA cho Việt Nam. Từ năm 2013, dự án EU-ESRT do liên minh châu Âu tài trợ đã hỗ trợ Tổng cục du lịch xây dựng Báo cáo Thường niên Du lịch Việt Nam năm 2013 và 2014, trong đó có xác định đóng góp của du lịch vào GDP thông qua bảng I-O 2007 và I-O 2012 dạng cạnh tranh của Việt Nam. Dự án này cũng đã xây dựng TSA và tính toán đóng góp chung của du lịch vào tăng trưởng của tỉnh Quảng Ninh năm 2014 (Công cụ để khẳng định vai trò của ngành Du lịch Việt Nam trong nền kinh tế, 2016).

Tuy nhiên, các nghiên cứu quốc tế và trong nước chưa thảo luận cụ thể về việc sử dụng bảng I-O dạng phi cạnh tranh và cũng chưa phân rõ một cách tường minh vai trò của du lịch quốc tế và du lịch nội địa khi đánh giá tác động hoạt động du lịch đối với tăng trưởng kinh tế.

Nghiên cứu tập trung thảo luận một số nội dung chủ yếu về phương pháp đánh giá tác động tổng hợp của du lịch chi tiết theo du lịch quốc tế và du lịch nội địa đến tăng trưởng kinh tế dựa trên bảng I-O dạng phi cạnh tranh. Phục vụ việc tính toán thực nghiệm, nghiên cứu sử dụng thông tin cập nhật nhất do Tổng cục Thống kê công bố gồm: bảng I-O năm 2012, kết quả điều tra chi tiêu của khách du lịch năm 2013 và một số thông tin khác có liên quan. Do

bảng I-O của Việt Nam công bố ở dạng cạnh tranh, để nghiên cứu một cách thấu đáo về ảnh hưởng của du lịch, bảng I-O này phải chuyển sang dạng phi cạnh tranh. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết sẽ đề xuất một số khuyến nghị về chính sách.

2. Phương pháp luận

Trước hết cần phân biệt, bảng I-O dạng phi cạnh tranh tách sản phẩm nhập khẩu khỏi tiêu dùng trung gian và sử dụng cuối cùng, trong khi bảng I-O dạng cạnh tranh không phân biệt sản phẩm trong nước và sản phẩm nhập khẩu trong tiêu dùng trung gian và sử dụng cuối cùng. Bảng I-O dạng phi cạnh tranh cho phép đánh giá tốt hơn vai trò và ảnh hưởng của tiêu dùng đến các ngành sản xuất sản phẩm trong nước.

Ứng dụng bảng I-O để đánh giá tác động tổng hợp của du lịch đến tăng trưởng kinh tế dựa trên quan hệ chuẩn của Leontief giới thiệu trong United Nations (1999, 160). Phương trình có dạng:

$$AX + Y = X \quad (1)$$

Phương trình này thể hiện đối với mô hình I-O dạng cạnh tranh (competitive import type).

Trong đó: AX là ma trận tiêu dùng trung gian (cầu trung gian);

Y là cầu cuối cùng;

X là véc-tơ giá trị sản xuất (GO).

Để chuyển sang dạng phi cạnh tranh (*non-competitive import type*) ta đặt:

$$A = A^d + A^m \quad (2)$$

Trong đó: A^d thể hiện ma trận hệ số chi phí trung gian sử dụng sản phẩm trong nước;

A^m thể hiện ma trận hệ số chi phí trung gian sử dụng sản phẩm nhập khẩu.

Cầu cuối cùng (Y) bao gồm tiêu dùng cuối cùng (C) và tích lũy tài sản gộp (I), xuất khẩu (E) trừ nhập khẩu (M).

$$Y = C + I + E - M \quad (3)$$

Khi C^d, I^d là tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản từ sản phẩm sản xuất trong nước và C^m, I^m là tiêu dùng cuối cùng và tích lũy tài sản từ sản phẩm sản xuất ở nước ngoài, phương trình (3) được viết lại như sau:

$$Y = (C^d + C^m) + (I^d + I^m) + E - M \quad (4)$$

Thay (2) và (4) vào (1) ta có:

$$X = (A^d + A^m)X + (C^d + C^m) + (I^d + I^m) + E - M$$

$$X = A^d X + A^m X + C^d + C^m + I^d + I^m + E - M$$

$$X = A^d X + (C^d + I^d + E) + (A^m X + C^m + I^m) - M$$

Để ý rằng: $(C^d + I^d + E) = Y^d$

$$(A^m X + C^m + I^m) = M$$

$$\text{Nên: } X = A^d X + Y^d + M - M$$

$$\text{Như vậy } X = A^d X + Y^d$$

$$\text{Hay: } X = (I - A^d)^{-1} \cdot Y^d \quad (5)$$

Phương trình (5) thể hiện quan hệ *Leontief* dạng I-O phi cạnh tranh, từ đó ta có:

$$\Delta X = (I - A^d)^{-1} \Delta Y^d \quad (6)$$

Trong đó: ΔY^d thể hiện sự thay đổi cầu cuối cùng của hàng hóa và dịch vụ trong nước;

$(I - A^d)^{-1}$ là ma trận hệ số chi phí toàn phần *Leontief* của ma trận dạng phi cạnh tranh;

(ΔX) là thay đổi của giá trị sản xuất.

Phương trình trên cho thấy sự thay đổi của sản lượng (giá trị sản xuất) phụ thuộc vào sự thay đổi của nhu cầu cuối cùng, từ đó dẫn đến sự thay đổi của thu nhập từ sản xuất (giá trị tăng thêm).

+ Tác động đến giá trị tăng thêm (VA)

$$\Delta V = v \Delta X \quad (7)$$

Trong đó: ΔV : Sự thay đổi của VA khi có sự thay đổi của giá trị sản xuất ΔX ;

v: Ma trận hệ số của VA bao gồm thu nhập từ lao động và thu nhập từ vốn.

+ Tác động đến lao động (L)

$$\Delta L = l \Delta X \quad (8)$$

Trong đó: ΔL : Sự thay đổi của L khi có sự thay đổi của giá trị sản xuất ΔX ;

l: Véc-tơ hệ số về lao động.

Với cách tiếp cận trực tiếp, chi tiêu của khách du lịch được xem xét là tác động đến cung của nền

kinh tế (Hình 1). Khi đó giá trị sản xuất do tác động trực tiếp của du lịch tương ứng với chi tiêu của khách du lịch. Tuy nhiên, trên thực tế chi tiêu của khách du lịch tác động đến cầu nền kinh tế qua tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình và xuất khẩu trực tiếp sản phẩm vật chất và dịch vụ. Từ đó, tác động gián tiếp lan tỏa đến toàn bộ nền kinh tế và tạo nên tác động tổng hợp của du lịch phản ánh qua các chỉ tiêu giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm, thu nhập của người lao động và lao động được lượng hóa theo công thức (5), (7) và (8) đã trình bày ở trên. Tác động tổng hợp đến nền kinh tế của du lịch được xác định là tổng của tác động trực tiếp và tác động gián tiếp.

3. Kết quả và thảo luận

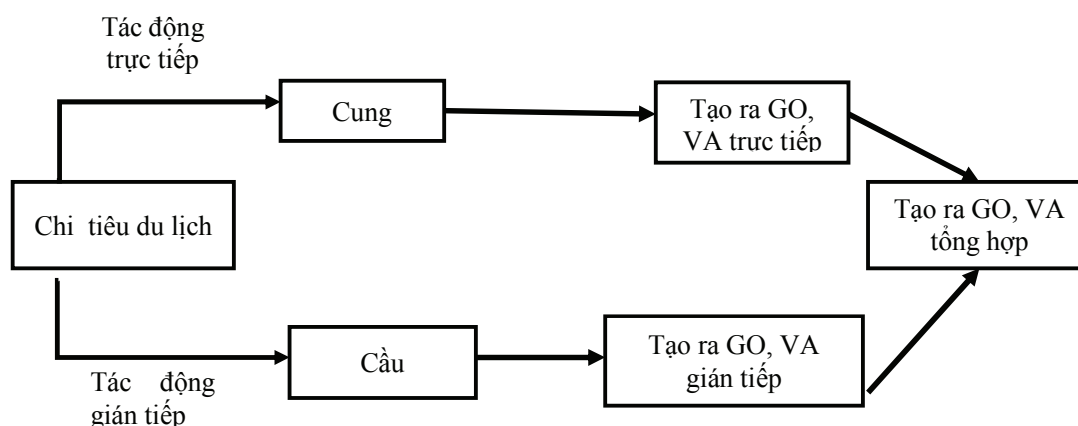
Kết quả nghiên cứu thực nghiệm với trường hợp của Việt Nam năm 2013 gồm các chỉ tiêu: giá trị tăng thêm và tổng sản phẩm quốc nội, thu nhập của người lao động và việc làm được tạo ra do tác động trực tiếp, gián tiếp và tổng hợp của hoạt động của du lịch quốc tế và du lịch nội địa.

3.1. Tác động đến giá trị tăng thêm và tổng sản phẩm quốc nội

Tác động tổng hợp của du lịch quốc tế và du lịch nội địa đến giá trị tăng thêm được thể hiện qua Bảng 1.

Xét về ảnh hưởng của du lịch quốc tế, Bảng 1 cho thấy, năm 2013 du lịch quốc tế tác động trực tiếp tới xuất khẩu tạo ra tổng giá trị tăng thêm là 70.795 tỷ đồng và tác động gián tiếp, lan tỏa đến các ngành biểu hiện qua tổng giá trị tăng thêm gián tiếp là 57.257. Do đó, tác động tổng hợp đóng góp vào giá trị tăng thêm của toàn bộ nền kinh tế là 128.052 tỷ đồng, chiếm 3,6% GDP của Việt Nam. Trong đó, du lịch quốc tế tác động tổng hợp đến giá trị tăng

Hình 1: Tác động của du lịch đến nền kinh tế



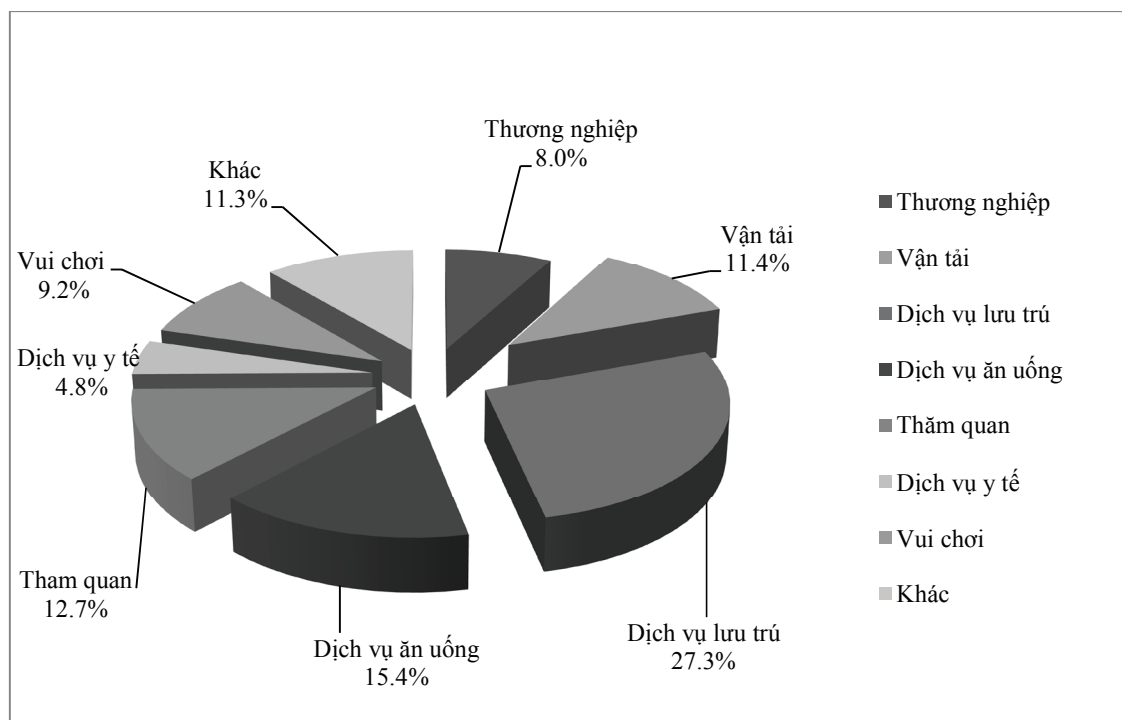
Bảng 1: Giá trị tăng thêm tạo ra do tác động của du lịch năm 2013

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Ngành sản phẩm	Giá trị tăng thêm tạo ra do tác động của du lịch quốc tế			Giá trị tăng thêm tạo ra do tác động của du lịch nội địa		
		Tác động trực tiếp	Tác động gián tiếp	Tác động tổng hợp	Tác động trực tiếp	Tác động gián tiếp	Tác động tổng hợp
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	Tổng số	70.795	57.257	128.052	47.302	38.715	86.017
1	Thương nghiệp	2.281	7.999	10.281	1.694	5.375	7.069
2	Vận tải	8.647	5.966	14.613	7.875	3.988	11.864
3	Dịch vụ lưu trú	26.431	8.499	34.930	15.346	5.711	21.057
4	Dịch vụ ăn uống	12.231	7.514	19.745	9.355	5.026	14.381
5	Tham quan	7.851	8.370	16.221	4.850	5.904	10.754
6	Dịch vụ y tế	732	5.379	6.111	613	3.608	4.221
7	Vui chơi	4.325	7.419	11.744	2.082	5.009	7.091
8	Khác	8.297	6.111	14.408	5.487	4.094	9.581

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Hình 2: Tác động tổng hợp của du lịch quốc tế đến giá trị tăng thêm của Việt Nam năm 2013

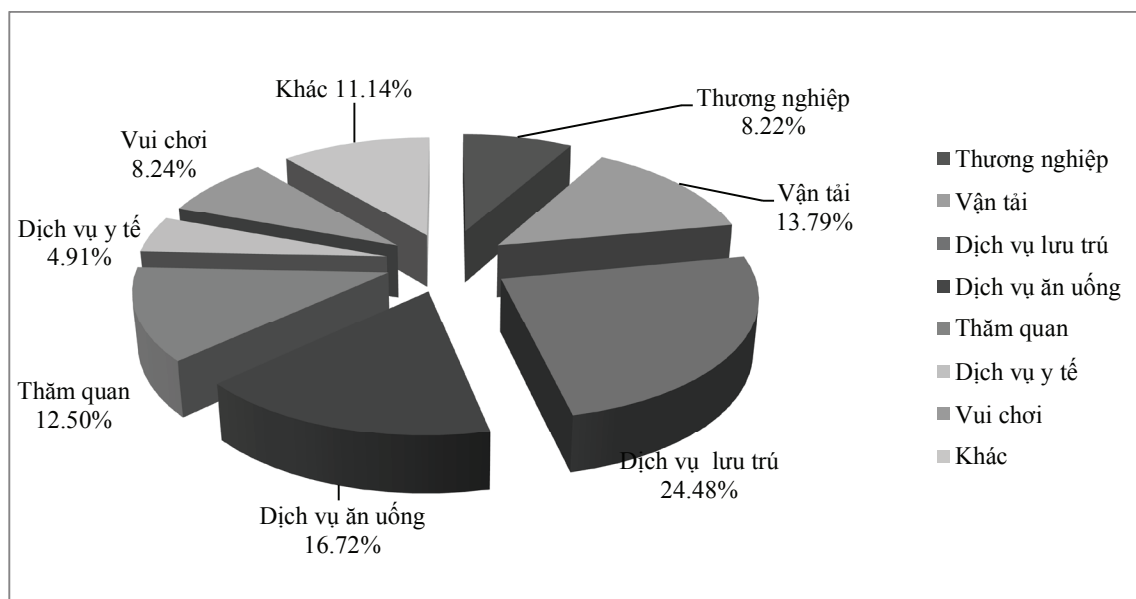


Nguồn: Tính toán của tác giả.

thêm của dịch vụ lưu trú là 34.930 tỷ đồng (chiếm 27,3% tổng tác động), dịch vụ ăn uống 19.745 tỷ đồng (15,4%), dịch vụ tham quan 16.221 tỷ đồng (12,7%) và dịch vụ vận tải hành khách 14.613 tỷ

đồng (11,4%). Một điều thú vị cho thấy từ kết quả tính toán, việc chi tiêu của khách du lịch lan tỏa khá mạnh đến các ngành trong nền kinh tế tương chừng như không có liên quan đến hoạt động du

Hình 3: Tác động tổng hợp của du lịch nội địa đến giá trị tăng thêm của Việt Nam năm 2013



Nguồn: Tính toán của tác giả.

Bảng 2: Tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam tạo ra do tác động của du lịch năm 2013

	Trực tiếp	Gián tiếp	Tổng hợp	GDP giá hiện hành năm 2013
	1	2	3	4
1. Giá trị tăng thêm tạo ra do tác động của hoạt động du lịch (Tỷ VNĐ)	118.098	95.971	214.069	3.584.262
- Du lịch quốc tế	70.795	57.256	128.051	
- Du lịch nội địa	47.303	38.715	86.018	
2. Thuế SP tạo ra do hoạt động du lịch (Tỷ VNĐ)	14.153	11.502	25.655	
3. GDP tạo ra do tác động của hoạt động du lịch (Tỷ VNĐ)	132.251	107.473	239.724	
- Du lịch quốc tế	79.280	64.118	143.398	
- Du lịch nội địa	52.971	43.355	96.326	
4. GDP tạo ra do tác động của hoạt động du lịch so với GDP của cả nước (%)	3,69	3,00	6,69	
- Du lịch quốc tế	2,21	1,79	4,00	
- Du lịch nội địa	1,48	1,21	2,69	

Nguồn: - Cột 4: Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê năm 2015 (2006, 170),

- Các cột còn lại: Tính toán của tác giả.

lịch. Cụ thể, giá trị tăng thêm của các ngành khác do tác động tổng hợp của du lịch quốc tế là 14.408 tỷ đồng chiếm 11,3% tổng giá trị tăng thêm được tạo ra từ tác động tổng hợp của du lịch quốc tế đến toàn bộ nền kinh tế. Điều này phần nào cho thấy tầm quan trọng của hoạt động du lịch quốc tế trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Xét về ảnh hưởng của du lịch nội địa, kết quả

trình bày trong Bảng 1 và Hình 3 thể hiện điều tương tự đối với tác động của du lịch nội địa đến giá trị tăng thêm của các ngành, tuy mức độ có khác nhau đôi chút. Chi tiêu khách du lịch nội địa lan tỏa đến giá trị tăng thêm của toàn bộ nền kinh tế là 86.017 tỷ đồng, chiếm 2,4% GDP. Tác động tổng hợp của du lịch nội địa tạo ra giá trị tăng thêm của một số ngành tiêu biểu tương ứng như: dịch vụ lưu

trú 21.057 tỷ đồng (chiếm 24,5% tác động tổng hợp của du lịch nội địa đến giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế), dịch vụ ăn uống 14.381 tỷ đồng (16,7%); tham quan 10.754 tỷ đồng (12,5%)... Du lịch nội địa lan tỏa đến giá trị tăng thêm của các ngành còn lại của nền kinh tế là 9.581 tỷ đồng (chiếm 11,1%), tương đương với tỷ lệ đóng góp vào giá trị tăng thêm của các ngành khác do tác động của du lịch quốc tế.

Chỉ tiêu của khách du lịch quốc tế bằng 143% so với chỉ tiêu của khách du lịch nội địa. Tuy nhiên do cấu trúc chỉ tiêu của khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa là khác nhau dẫn đến chỉ tiêu của khách du lịch quốc tế lan tỏa đến giá trị gia tăng của nền kinh tế cao hơn khách du lịch nội địa khá nhiều (149%). Trong đó ảnh hưởng trực tiếp của khách du lịch quốc tế đến giá trị tăng thêm cao hơn khách du lịch nội địa là 150% và ảnh hưởng gián tiếp của khách du lịch quốc tế so với khách du lịch nội địa là 148% (Bảng 2).

Từ tác động của du lịch đến giá trị tăng thêm có thể ước lượng được GDP tương ứng do hoạt động du lịch quốc tế và nội địa đã tạo ra trong Bảng 2.

Hoạt động du lịch tác động tổng hợp đến GDP là 239.724 tỷ đồng, chiếm 6,69% GDP; trong đó tác động trực tiếp đến GDP là 132.251 tỷ đồng,

bằng 3,69% GDP và tác động gián tiếp đến GDP là 107.473 tỷ đồng, chiếm 3,00% GDP cả nước.

3.2. Thu nhập của người lao động và lao động tạo ra do tác động du lịch quốc tế và du lịch nội địa

Kết quả tính toán tác động của du lịch đến thu nhập của người lao động trình bày trong Bảng 3 phù hợp với tác động của du lịch đến giá trị tăng thêm. Ở đó, tác động tổng hợp từ du lịch quốc tế đến thu nhập của người lao động lớn hơn tác động của du lịch nội địa đến chỉ tiêu này là 1,49 lần. Du lịch quốc tế tác động trực tiếp đến thu nhập của người lao động là 44.053 tỷ đồng chiếm 62,2% giá trị tăng thêm do tác động trực tiếp. Trong khi đó, du lịch nội địa tác động gián tiếp đến chỉ tiêu này là 37.291 tỷ đồng chiếm đến 65% của giá trị tăng thêm do tác động gián tiếp. Cũng có kết quả tương tự đối với tác động trực tiếp và gián tiếp của du lịch nội địa.

Tổng số lao động tạo ra trong các ngành do tác động của du lịch quốc tế và du lịch nội địa tới nền kinh tế (Bảng 4) lần lượt là 2.340.730 người và 1.592.338 người, tương ứng với 4,5% và 3% so với tổng số lao động của cả nước năm 2013. Như vậy, tổng số lao động trong các ngành phục vụ khách du lịch trong năm 2013 ước tính 3.933.068 người chiếm 7,5% tổng số lao động cả nước.

Bảng 3: Thu nhập của người lao động tạo ra do tác động của du lịch năm 2013

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Ngành	Tổng thu nhập của người lao động do tác động của du lịch quốc tế			Tổng thu nhập của người lao động do tác động của du lịch nội địa		
		Tác động trực tiếp	Tác động gián tiếp	Tác động tổng hợp	Tác động trực tiếp	Tác động gián tiếp	Tác động tổng hợp
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	Tổng cộng	44.053	37.219	81.272	29.598	25.114	54.712
1	Thương nghiệp	1.524	5.344	6.868	1.132	3.591	4.722
2	Vận tải	5.428	3.745	9.173	4.944	2.504	7.448
3	Dịch vụ lưu trú	15.798	5.080	20.878	9.172	3.413	12.586
4	Dịch vụ ăn uống	8.565	5.261	13.826	6.551	3.519	10.070
5	Du lịch	3.629	3.869	7.497	2.242	2.729	4.971
6	Dịch vụ y tế	618	4.537	5.155	517	3.043	3.560
7	Vui chơi	3.196	5.483	8.679	1.538	3.702	5.240
8	Khác	5.296	3.901	9.196	3.502	2.613	6.115

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Bảng 4: Lao động tạo ra do tác động của du lịch năm 2013*Đơn vị tính: Người*

STT	Ngành	Lao động tạo ra do tác động của du lịch quốc tế			Lao động tạo ra do tác động của du lịch nội địa		
		Tác động trực tiếp	Tác động gián tiếp	Tác động tổng hợp	Tác động trực tiếp	Tác động gián tiếp	Tác động tổng hợp
A	B	1	2	3	5	6	7
	Tổng cộng	1.216.393	1.124.337	2.340.730	834.622	757.716	1.592.338
1	Thương nghiệp	48.274	169.286	217.560	35.854	113.745	149.599
2	Vận tải	173.963	120.033	293.996	158.450	80.246	238.696
3	Dịch vụ lưu trú	260.016	83.606	343.623	150.963	56.182	207.145
4	Dịch vụ ăn uống	343.922	211.275	555.197	263.050	141.312	404.362
5	Du lịch	73.878	78.762	152.640	45.638	55.563	101.201
6	Dịch vụ y tế	9.674	71.050	80.724	8.099	47.656	55.754
7	Vui chơi	168.019	288.203	456.222	80.873	194.601	275.474
8	Khác	138.647	102.121	240.768	91.696	68.412	160.107

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

4. Kết luận và khuyến nghị

Năm 2013, chi tiêu của khách du lịch quốc tế khoảng 158 nghìn tỷ đồng và chi tiêu của khách du lịch nội địa khoảng 110 nghìn tỷ đồng. Như vậy chi tiêu của du lịch quốc tế cao hơn chi tiêu của khách du lịch nội địa là 1,43 lần. Trong khi đó kết quả tính toán trong Bảng 1 và Bảng 4 cho thấy tác động tổng hợp của du lịch quốc tế đến giá trị tăng thêm là 128.052 tỷ đồng, đến tạo việc làm là 2,3 triệu người; tác động tổng hợp của du lịch nội địa đến hai chỉ tiêu này lần lượt là 86.017 tỷ đồng và 1,6 triệu người. Do đó, tác động tổng hợp của du lịch quốc tế cao hơn tác động tổng hợp từ du lịch nội địa đối với giá trị tăng thêm và tạo việc làm lần lượt là 1,49 lần và 1,46 lần. Bảng 2 cho biết, tác động tổng hợp của du lịch quốc tế đóng góp khoảng 4% tổng GDP của toàn bộ nền kinh tế, trong khi tác động tổng hợp của du lịch nội địa chỉ đóng góp vào GDP khoảng 2,69%. Điều đó cho thấy ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của du lịch quốc tế đến nền kinh tế lớn hơn của du lịch nội địa. Chính sách thu hút khách du lịch quốc tế cần được quan tâm với mục tiêu khuyến khích chi tiêu của khách du lịch quốc tế đối với các sản phẩm sản xuất trong nước, tăng cường xuất khẩu trực tiếp hàng hóa nội địa, tạo nguồn thu

ngoại tệ cho đất nước nhằm nâng cao hơn nữa đóng góp của du lịch đối với phát triển kinh tế vùng và cả nước.

Xét trên tổng số, tác động gián tiếp của du lịch quốc tế và du lịch nội địa đến nền kinh tế luôn thấp hơn tác động trực tiếp. Tuy nhiên, tại một số ngành tác động gián tiếp lớn hơn so với tác động trực tiếp. Có thể thấy rõ điều này khi so sánh tác động gián tiếp và tác động trực tiếp của du lịch quốc tế và du lịch nội địa trong các ngành như: thương nghiệp, tham quan, dịch vụ y tế và vui chơi giải trí. Cụ thể, theo Bảng 1, du lịch quốc tế tác động gián tiếp đến giá trị tăng thêm (cột 2) của ngành thương nghiệp là 7.999 tỷ đồng trong khi đó tác động trực tiếp đến giá trị tăng thêm (cột 1) của ngành này chỉ có 2.281 tỷ đồng. Trong ngành thương nghiệp, du lịch quốc tế tác động gián tiếp cao hơn tác động trực tiếp đến giá trị tăng thêm 3,5 lần ($=7.999/2.281$). Tương tự cách xem xét trên, tác động gián tiếp so với tác động trực tiếp của du lịch quốc tế trong ngành tham quan, dịch vụ y tế và vui chơi giải trí lần lượt là 1,1; 7,3 và 1, 7 lần. Du lịch nội địa có tác động gián tiếp cao hơn tác động trực tiếp đến giá trị tăng thêm trong các ngành thương nghiệp, tham quan, dịch vụ y tế và vui chơi giải trí lần lượt là 3,1; 1,2; 5,9

và 2,4 lần. Như vậy, chi tiêu của khách du lịch để tiêu dùng sản phẩm của những ngành này có ảnh hưởng lan tỏa tốt hơn những ngành còn lại. Do đó dễ gia tăng tác động của du lịch đến nền kinh tế cần có chính sách đầu tư khuyến khích chi tiêu trong những ngành có tác động gián tiếp cao hơn tức là có ảnh hưởng tốt hơn đến nền kinh tế. Chính sách này tập trung vào hỗ trợ phát triển một số ngành dịch vụ phục vụ du lịch như: phân phối hàng hóa, tham quan, vui chơi giải trí và khám chữa bệnh đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

Như đã đề cập ở cuối của mục 3.2, tác động của du lịch tạo ra việc làm cho khoảng 3,9 triệu người trong tất cả các ngành phục vụ trực tiếp và gián tiếp khách du lịch; trong đó, số lượng lao động tạo ra do du lịch quốc tế khoảng 2,3 triệu người, chiếm khoảng 4,5% số lao động trong nền kinh tế. Số lượng lao động này được ước tính dựa trên định mức kỹ thuật của bảng I-O phi cạnh tranh phản ánh quá trình sản xuất chỉ sử dụng nguyên liệu sản xuất

trong nước (vì trong bảng I-O phi cạnh tranh đã tách riêng phần nhập khẩu trong tiêu dùng trung gian). Điều này phản ánh ảnh hưởng của xuất khẩu do du lịch quốc tế tạo ra đã tác động tương đối đến tạo việc làm cho xã hội dựa trên khai thác các nguồn lực trong nội tại nền kinh tế. Tuy nhiên hiện nay chỉ số cạnh tranh về du lịch do Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) công bố hai năm một lần cho biết, năm 2015 Việt Nam xếp thứ 73 trên Lào và Campuchia với một số chỉ tiêu cao hơn như nguồn nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, giá cả, hạ tầng, văn hóa... Nhưng Việt Nam thua Lào và Campuchia nhiều chỉ tiêu quan trọng, đặc biệt về chính sách và điều kiện hỗ trợ, với tiêu chí này Việt Nam xếp ở nhóm cuối (xếp thứ 112) trong khi đó Lào và Campuchia lần lượt là 80 và 64. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy, Việt Nam cần thay đổi thứ tự ưu tiên về phát triển ngành trong đóng góp vào GDP và có những chính sách mạnh mẽ và đồng bộ hơn nữa cho du lịch Việt Nam cất cánh.

Tài liệu tham khảo

- Ahlert, G. (2007), 'Methodological aspects of preparing the German TSA, empirical findings and initial reactions', *Tourism Economics*, 13(2), 275-287.
- Công cụ để khẳng định vai trò của ngành Du lịch Việt Nam trong nền kinh tế (2016), truy cập ngày 22 tháng 8 năm 2016 từ <<http://www.vietnamhotel.org.vn/vn/news/3962/208/Cong-cu-de-khang-dinh-vai-tro-cua-nganh-Du-lich-VN-trong-nen-kinh-te.vha>>.
- Fleetwood, S. (2004), 'Tourism satellite Accounts: The australian experience', *Estudios Turisticos*, 161-162 (2004), pp. 43-53.
- Heerschap, N., de Boer, B., Hoekstra, R., van Loon, A. & Tromp, L. (2005), 'A Tourism Satellite Account for the Netherlands: Approach and results', *Tourism Economics*, 11, 393-409.
- Nguyễn Thị Tuyết Nhung (2010), *Nghiên cứu thống kê Tài khoản vệ tinh du lịch ở Việt Nam*, Luận án Tiến sỹ.
- Tadayuki Hara (2008), *Quantitative Tourism Industry Analysis of the Tourism Industry*, The Dick Pope Sr. Institute for Tourism Studies.
- Tổng cục Du lịch (2011), *Báo cáo đề án "Triển khai áp dụng Tài khoản vệ tinh du lịch tại Việt Nam"*.
- Tổng cục Thống kê (2016), *Niên giám Thống kê năm 2015*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- United Nations (1999), *Handbook of Input-Output Table Compilation and Analysis*, United Nations Publication.
- United Nations (2008), *2008 Tourism Satellite Account: Recommended Methodological Framework (TSA: RMF 2008)*, United Nations Publication.
- United Nations (2009), *System of National Accounts 2008*, United Nations Publication.
- University of Vermont (1999), 'The Impact of the Tourism Sector on the Vermont Economy: The Input-Output Model', truy cập ngày 28 tháng 8 năm 2013 <http://www.uvm.edu/~snrvtdc/publications/tourism_impact.pdf>.